TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **51**/2018/DS-PT
Ngày 16-4-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLDS-PT ngày 05/3/2018 về việc Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐ-PT ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Ông P, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Số 15A đường T, phường 4, thành phố L.

Bị đơn*:* Bà **Nguyễn T**, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Tổ 1, Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông V, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Số nhà 134, đường Đ, tổ 18, thị trấn L, huyện Đ.

2. Ông H, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tổ 62, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của: Ông P – Nguyên đơn.

(Ông S, bà V, ông T có mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm.

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn Ông P trình bày:

Vào ngày 25/4/2016 ông và bà Nguyễn T có ký Hợp đồng giao nhận khoán nhân công xây dựng công trình số 01/HĐ-XL để xây dựng nhà ở công trình tư nhân, hạng mục xây dựng mới, địa điểm: Tổ 01, Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hai bên thỏa thuận bên bà V cung cấp vật tư xây dựng, bên ông có trách nhiệm xây dựng, thời gian thi công 04 tháng, ngày khởi công 26/4/2016, ngày hoàn thành 26/9/2016, giá trị hợp đồng 400.000.000 đồng. Nội dung công việc hai bên thỏa thuận trong hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng bà V có tạm ứng cho ông 100.000.000 đồng để khởi công xây dựng công trình. Hai lần sau bà V ứng tiếp cho ông 112.000.000đồng, hai bên có viết giấy giao nhận tiền tạm ứng (bà V giữ các giấy giao nhận tiền). Tổng cộng ông nhận tạm ứng của bà V là 212.000.000đồng. Trong quá trình thi công công trình do ông có nhiều công trình không thể trực tiếp quản lý được nên ông giao cho ông H, địa chỉ đường Đ, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng quản lý và thi công phần hồ công trình xây dựng nhà của bà V. Trong quá trình thi công xây dựng đến phần lợp mái, chuẩn bị vào giai đoạn hoàn thiện. Lúc này vợ chồng ông mâu thuẫn và làm đơn ly hôn tại Tòa án Đ, mặc dù gia đình ông có việc nhưng ông vẫn đảm bảo việc thi công công trình, ông vẫn làm đúng theo hợp đồng nhưng bà V vẫn yêu cầu hủy hợp đồng mà không có lý do gì. Sau đó hai bên có gặp nhau trao đổi bà V vẫn yêu cầu hủy hợp đồng nhưng ông vẫn tiếp tục thi công công trình và xây dựng hoàn thiện công trình nhà ở cho bà V và giao nhà theo đúng như thỏa thuận trong hợp đồng là ngày 26/9/2016. Khi ông bàn giao nhà vào ngày 26/9/2016 cho bà V để bà V thanh toán hết số tiền còn lại theo hợp đồng cho ông nhưng bà V vẫn không thanh toán.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán cho ông số tiền 188.000.000đồng còn lại theo Hợp đồng giao nhận khoán nhân công xây dựng công trình số 01/HĐ-XL giữa ông và bà V ký ngày 25/4/2016 và lãi suất theo quy định của số tiền 188.000.000đồng từ ngày 26/9/2016 cho đến nay.

Bị đơn bà Nguyễn T trình bày:

Trước đây bà có nhận sang nhượng 01 diện tích đất để làm nhà ở của bà Đ, địa chỉ lô đất tại Thôn N, xã L, Đức Trọng. Bà là người tu hành ở Thành phố H lên mua đất làm nhà ở nên bà không quen biết ai, sau khi mua đất bà quen biết bà Đ thì bà Đ giới thiệu bà có con rể làm nghề xây dựng là Ông P. Sau đó bà và

Ông S thỏa thuận về việc xây nhà ở của bà, do bà không có điều kiện nên bà khoán cho Ông S toàn bộ từ vật liệu và nhân công để xây nhà ở cho bà với tổng giá trị là 400.000.000 đồng. Vào ngày 25/4/2016 bà và Ông P có ký Hợp đồng số 01/HĐ-XL để xây dựng công trình nhà ở của bà. Hai bên thỏa thuận giá trị hợp đồng là 400.000.000đồng bao gồm cả vật liệu và nhân công, hợp đồng này do bà và Ông S nhờ ông Lê Tiến Dũng soạn thảo hợp đồng và hai bên tự ký kết với nhau. Ngày 26/4/2016 sau khi ký hợp đồng bà có tạm ứng trước cho Ông S 100.000.000đồng để Ông S mua vật liệu và khởi công xây dựng công trình. Ngày 02/6/2016 bà có giao tiếp cho Ông S 100.0000.000đồng. Ngày 23/6/2016 bà tiếp tục giao cho Ông S 12.000.000đồng. Tổng cộng bà đã tạm ứng cho Ông S 212.000.000đồng (Hai trăm mười hai triệu đồng) để Ông S mua vật liệu và tạm ứng tiền công cho ông T. Ông S (gọi tắt là bên B) đã ký hợp đồng giao khoán nhân công cho ông H (gọi tắt là B') số tiền theo hợp đồng là 136.750.000 đồng. Do vậy ông T là người trực tiếp thi công công trình nhà ở của bà. Trong quá trình thi công do bà thấy tiến độ thi công công trình quá chậm, không đảm bảo tiến độ, 02 tháng mà công trình mới làm được phần móng nhà và đổ được 10 trụ cột chưa xây tường. Trong khi đó bà đã tạm ứng cho bên Ông S 212.000.000 đồng. Sau đó giữa bà và Ông S phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác ông T yêu cầu Ông S cho tạm ứng tiền công để ông T trả tiền công cho thợ thì Ông S không cho, nên ông T nói với bà ông T sẽ không làm cho Ông S nữa. Bà sợ công trình nhà ở của bà dở dang nên bà mới yêu cầu Ông S nếu không làm được thì hủy hợp đồng để bà mua vật liệu và giao ông ông T trực tiếp thi công thì Ông S đã đồng ý thống nhất hủy hợp đồng với bà và Ông S cũng đồng ý hủy hợp đồng với ông T luôn. Ngày 09/7/2016 bà và Ông S đã mời những người bán vật liệu cho Ông S và những người thợ xây đến công trình để tính toán tiền và ký cam kết hủy hợp đồng. Trong khi hai bên tính toán thì Ông S khai khống và yêu cầu bà phải trả tiền vật liệu theo ý của Ông S nhưng những người bán vật liệu không đồng ý vì thực tế bán bao nhiêu thì thanh toán tiền bấy nhiêu. Sau đó Ông S nổi khùng chửi bới và xé nát bản cam kết thỏa thuận hủy hợp đồng và các hóa đơn mua vật liệu xây dựng trước mặt bà và những người bán vật liệu và thợ xây dựng. Kể từ ngày 09/7/2016 sau khi hủy hợp đồng Ông S không thi công công trình nhà ở của bà nữa. Giữa Ông S và ông T cũng chấm dứt hợp đồng từ ngày 09/7/2016 lúc này công trình nhà ở của bà chỉ làm xong phần móng và đổ được trụ chưa xây tường. Để tiếp tục xây dựng bà là người trực tiếp mua toàn bộ vật liệu và thuê ông T tiếp tục thi công xây dựng nhà cho bà. Bà giao cho ông H, địa chỉ tổ 60, thị trấn L, huyện Đ là người làm trong nhóm thợ của ông T bao thầu phần điện nước của công trình. Đến tháng 11 năm 2016 công trình mới hoàn thiện và đưa vào sử dụng. Bà đã thanh toán toàn bộ tiền nhân công xây dựng căn nhà cho ông T và ông H, ông T và ông H có ký biên nhận thanh toán nhận tiền đầy đủ, không bên nào còn nợ bên nào. Nay Ông S yêu cầu bà có nghĩa vụ trả cho Ông S 188.000.000đồng tiền thi công công trình nhà ở còn lại theo Hợp đồng số 01/HĐ-XL ngày 25/4/2016 và tiền lãi suất từ ngày 26/9/2016 cho đến nay đối với số tiền 188.000.000đồng thì bà không đồng ý vì thực tế bà không còn nợ Ông S nữa. Ngày 09/7/2016 khi hai bên thống nhất hủy hợp đồng bà và Ông S có tính toán sơ bộ trước mặt những người bán vật liệu xây dựng và ông T

thì tiền Ông S mua vật liệu là 130.000.000 đồng trừ đi toa hàng Ông S lấy vật liệu chưa trả 37.795.000 đồng. Sau này bà là người trả cho vật liệu xây dựng Tuấn Thiện số tiền 37.795.000 đồng. Như vậy Ông S đã trả được tiền vật liệu là 92.000.000 đồng, tiền ứng công thợ cho ông T khoảng 25.000.000 đồng và trả tiền xe máy múc đào móng nhà khoảng 5.000.000 đồng. Tổng cộng Ông S chi phí hết 122.000.000 đồng. Nếu tính toán cụ thể khối lượng công trình Ông S đã thi công và bà tính cả tiền công cho Ông S nữa so với số tiền Ông S đã tạm ứng của bà thì Ông S phải trả lại tiền cho bà khoảng 70.000.000 đồng. Nhưng vì bà là người tu hành và xét thấy điều kiện hoàn cảnh của Ông S hiện tại rất khó khăn nên bà không yêu cầu Ông S thối lại tiền cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông H trình bày: Vào khoảng tháng 4/2016 ông có làm thợ hồ trong nhóm thợ hồ của ông H. Ông T có nhận xây dựng công trình nhà ở tư nhân từ Ông P để xây dựng công trình nhà ở cho sư cô Vân tại tổ 01, Thôn N, xã L, Đức Trọng. Giữa ông T và Ông S thỏa thuận với nhau như thế nào về việc xây dựng công trình nhà ở thì ông không biết vì ông chỉ làm dưới sự chỉ đạo của ông T. Công việc của ông vừa làm thợ xây vừa làm thợ lắp ráp điện nước cho công trình. Lúc đầu ông T làm dưới sự quản lý của Ông S vì Ông S là người trực tiếp ký hợp đồng với bà V. Theo ông được biết thì bà V khoán cả vật liệu và nhân công cho Ông S là 400.000.000đồng, sau đó Ông S khoán lại phần nhân công cho ông T là 136.750.000 đồng. Khởi công xây dựng công trình, đào móng, xây xong phần móng và đổ được mấy trụ bê tông (phần này do Ông S là chủ thầu, Ông S có tạm ứng cho ông T một số tiền công để trả tiền cho thợ). Sau đó giữa Ông S và bà V xảy ra tranh chấp nên đã thỏa thuận hủy hợp đồng. Bà V đã gọi cho những người bán vật liệu xây dựng để xác nhận nợ vào ngày 09/7/2016, trong khi tính toán giữa Ông S, bà V và các chủ cửa hàng vật liệu không thống nhất, cãi nhau thì Ông S đã xé bỏ cam kết hủy hợp đồng xây dựng và các chứng từ mua vật liệu xây dựng, Ông S còn chửi bới hăm dọa mọi người nên tất cả ra về. Từ đó Ông S không còn quản lý công trình và không đến công trình lần nào nữa vì hai bên tự hiểu là đã chấm dứt hợp đồng. Do ông và ông T làm thợ xây dựng nhà ở cho bà V từ đầu nên bà V có thỏa thuận tiếp tục thuê ông và ông T cùng những người thợ đang xây dựng để tiếp tục xây dựng nhà ở cho bà V cho đến khi hoàn thiện công trình. Lúc này bà V tự mua vật liệu, bà V là người trực tiếp ứng và thanh toán tiền cho ông và cho ông T. Đến tháng 11 năm 2016 thì xong công trình, bà V đã thanh toán đầy đủ tiền cho ông và ông T có ký xác nhận đã thanh toán đủ. Nay Ông S khởi kiện bà V thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định, ông không liên quan nên không có ý kiến gì.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc và thông báo về việc mở phiên họp và phiên hòa giải, giấy triệu tập đến tham gia phiên họp và phiên hòa giải cho ông H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng ông T không có ý kiến và không đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên họp và phiên hòa giải.

Ông P có đơn yêu cầu Tòa án định giá tài sản tranh chấp: Theo biên bản định giá tài sản ngày 25/10/2017 Hội đồng tiến hành định giá theo yêu cầu và trình bày của nguyên đơn và bị đơn như sau:

Ông S cho rằng ông thi công xây dựng toàn bộ căn nhà của bà V do vậy yêu cầu Tòa án định giá toàn bộ căn nhà: Nhà cấp 4A, kết cấu móng xây gạch và đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, trần thạch cao, mền lát gạch ceramic. Tổng diện tích sàn sử dụng là 207,952m^2. Căn nhà được xây dựng trên diện tích đất của bà V. Hội đồng định giá theo giá nhà nước 2.215.000 đồng/1m^2 x 80% giá trị sử dụng còn lại = 368.491.000 đồng. Định giá theo giá thị trường giá trị toàn bộ căn nhà là 936.000.000 đồng.

Bị đơn bà V cho rằng Ông S thi công xây dựng mới xong phần móng nhà và đổ được 10 trụ cột. Bà yêu cầu Hội đồng định giá phần Ông S đã thi công. Ông S và bà V đều thống nhất khi xây dựng Ông S thi công theo bản vẽ thiết kế bà V đã cung cấp cho Tòa án. Hai bên đương sự thống nhất và yêu cầu Hội đồng định giá theo bản vẽ thiết kế. Do đó Hội đồng định giá tổng giá trị vật liệu để xây dựng phần móng và đổ 10 trụ là 93.368.000 đồng và tiền công để thi công là 49.950.000 đồng. Tổng cộng 143.318.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 66/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông P về việc yêu cầu bà Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho ông 188.000.000 đồng còn thiếu và lãi suất theo quy định của số tiền 188.000.000 đồng tính từ ngày 26/9/2016 cho đến nay, theo hợp đồng xây dựng đã ký ngày 25/4/2016.

- Về chi phí tố tụng: Ông P phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản, Ông S đã nộp đủ số tiền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/01/2018 Ông S kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng ông không đủ chứng cứ để đòi tiền vật tư xây dựng nên chỉ đòi tiền công là 188.000.000 đồng. Bà V không đồng ý với kháng cáo của Ông S đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của Ông S, căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giữa Ông S và bà V có ký kết với nhau hợp đồng giao nhận khoán xây dựng số 01/HĐ-XL ngày 25/4/2016, thời gian thi công là 04 tháng. Quá trình thi công công trình giữa các bên xảy ra mâu thuẫn, bà V cho rằng tiến độ thi công chậm nên yêu cầu hủy hợp đồng, Ông S đồng ý nhưng khi hai bên tính toán giá trị nhân công, vật tư đã thi công thì không thống nhất. Ông S khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán số tiền 188.000.000 đồng còn lại theo hợp đồng giao nhận khoán, bà V không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Ông S thì thấy rằng:

Ngày 25/4/2016 giữa Ông S và bà V có ký kết với nhau hợp đồng xây dựng số 01/HĐ-XL để xây dựng nhà ở cho bà V là có xảy ra trong thực tế, được các bên thừa nhận (BL 186, 187). Bà V giao khoán toàn bộ vật liệu và nhân công cho Ông S. Quá trình thi công xong phần móng nhà và đổ được 10 trụ cột thì giữa các bên phát sinh tranh chấp. Bà V đã tạm ứng cho Ông S 212.000.000 đồng để mua vật liệu và trả tiền nhân công, Ông S cũng thừa nhận đã nhận của bà V 212.000.000 đồng như bà V trình bày.

Theo lời khai của thợ xây là ông H và hàng xóm của bà V là bà L thì trong quá trình thi công công trình từ 26/4/2016 đến 09/7/2016 (hơn 2 tháng) mà Ông S mới làm xong phần móng và đổ được mấy trụ (BL 142, 120), bà V thấy tiến độ chậm nên yêu cầu hủy hợp đồng. Theo lời khai của bà V thì: lúc đầu Ông S không đồng ý nhưng bà thương lượng sẽ trả phần vật liệu Ông S chưa trả thì Ông S đồng ý (BL 39). Ngày 09/7/2016 bà V đã mời những người bán vật liệu cho Ông S là bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, bà Lò Thị Thánh Thiện đến nhà Ông S để tính toán. Hai bên viết giấy thỏa thuận hủy hợp đồng và đồng ý bên bà sẽ thanh toán vật liệu xây dựng nhưng sau đó Ông S yêu cầu bà phải trả vật liệu theo ý của Ông S, những người bán vật liệu không đồng ý vì thực tế bán bao nhiêu thì thanh toán tiền bấy nhiêu. Không đồng ý, Ông S đã xé nát giấy thỏa thuận hủy hợp đồng và các hóa đơn mua vật liệu xây dựng trước mặt bà, những người bán vật liệu và thợ xây (BL 135, 136, 137). Từ ngày các bên hủy hợp đồng thì Ông S không đến công trình nữa (BL 120, 121).

Cấp sơ thẩm đã xác minh, thực tế Ông S đã trả cho cửa hàng vật liệu Tuấn Thắm số tiền 60.000.000 đồng, cửa hàng vật liệu Tuấn Thiện 18.000.000 đồng, ứng tiền công cho ông T 25.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền thuê xe múc san lấp và đào móng. Theo biên bản định giá tổng tiền vật liệu và tiền công là 143.318.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Ông S thanh toán ít hơn số tiền đã nhận tạm ứng của bà V. Bà V là người trực tiếp mua vật liệu và thuê nhân công để tiếp tục công trình, đến tháng 11/2016 công trình hoàn thiện, bà V đã thanh toán đầy đủ tiền nhân công cho ông H và ông T. Thực tế Ông S chỉ thi công xong phần móng nhà và đổ được 10 trụ cột. Do đó Ông S cho rằng Ông S đã thi công toàn bộ công trình nhà ở của bà V và yêu cầu bà V thanh toán số tiền 188.000.000 đồng theo hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án. Do vậy cần bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ông P phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông P. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông P về việc yêu cầu bà Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho ông 188.000.000 đồng còn thiếu và lãi suất theo quy định của số tiền 188.000.000 đồng tính từ ngày 26/9/2016 cho đến nay theo hợp đồng xây dựng đã ký ngày 25/4/2016.

2. Về chi phí tố tụng: Ông P phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản, Ông S đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí: Ông P phải chịu 9.400.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006571 ngày 05/6/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007200 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông S phải nộp tiếp 4.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Lâm Đồng;
-TAND huyện Đ (02);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Vũ Thị Nguyệt